

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ - CCB

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành kèm theo Quy chế Công tác Thi đua, khen thưởng
Hội Cựu chiến binh Việt Nam**

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI CCB VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TW ngày 03/02/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Hội CCB Việt Nam;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; Nghị định số 98/2023/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy chế Công tác Thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1124/QĐ-CCB ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam Ban hành kèm theo Quy chế Công tác Thi đua, khen thưởng Hội Cựu chiến binh Việt Nam giai đoạn từ 2021 - 2026

Hội Cựu chiến binh các tỉnh, thành phố; Hội Cựu chiến binh Khối 487; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban Thi đua- Khen thưởng TW (01);
- Các đồng chí Ủy viên Hội đồng;
- Hội CCB các tỉnh, thành (63b);
- Các Hội CCB Khối 487 (47b);
- Các CQ, đơn vị thuộc TW Hội (10);
- Lưu VT, TG; H (135b)

CHỦ TỊCH



Bê Xuân Trường

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-CCB ngày 08 tháng 03 năm 2024
của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định đối tượng, phạm vi, nguyên tắc công tác thi đua, khen thưởng; nội dung, hình thức tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục hồ sơ khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; cụm, khối thi đua; quỹ thi đua, khen thưởng; khen thưởng phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp doanh nhân Cựu chiến binh (*sau đây viết tắt là CCB*) và các cơ quan, đơn vị; hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong công tác thi đua, khen thưởng; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

2. Các nội dung về thi đua, khen thưởng không quy định tại quy chế này thì thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức Hội; cán bộ, hội viên, tổ chức Hội, hộ gia đình hội viên; công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị tổ chức Hội; tập thể, cá nhân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có thành tích xuất sắc đóng góp xây dựng Hội CCB Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

2. Các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước, gồm: “Cờ thi đua của Chính phủ, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

3. Thi đua: là hoạt động có tổ chức do người có thẩm quyền phát động với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Danh hiệu thi đua: là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong thi đua

4. Khen thưởng: là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Quy định về vai trò, vị trí cấp tương đương: Hội CCB Việt Nam có thẩm quyền đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng như các bộ, ban ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(Khoản 5, Điều 3 Luật số 06/2022/QH15, Luật Thi đua, khen thưởng quy định): Bộ, ban, ngành, tỉnh bao gồm Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ.....Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

6. Quy định Chức danh tương đương để xét khen thưởng công hiến, như sau:

- a) Chức danh Bộ trưởng và tương đương.....“Chủ tịch Hội CCB Việt Nam”
- b) Chức danh Thứ trưởng và tương đương ... “Phó Chủ tịch Hội CCB Việt Nam”
- c) Chức danh Vụ trưởng và tương đương..... “Trưởng ban và tương đương thuộc Trung ương Hội; Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố”.
- d) Chức danh Vụ phó và tương đương “Phó Ban thuộc Trung ương Hội; Phó Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố”.

Điều 4. Mục tiêu thi đua, khen thưởng; nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen

1. *Mục tiêu của thi đua*: là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, hộ gia đình phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. *Mục tiêu của khen thưởng*: là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5 *Nguyên tắc của thi đua*:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai minh bạch;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

6. *Nguyên tắc của khen thưởng*:

- a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;
- b) Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;

d) Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

e) Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Không xét tặng danh hiệu “ Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 6 tháng.

f) Cá nhân, tập thể làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể ở các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương thì nơi trực tiếp quản lý cán bộ, công chức và quỹ lương quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

g) Cá nhân, tập thể làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể ở cấp tỉnh do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 5. Căn cứ; nguyên tắc, thời gian xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

a) *Phong trào thi đua;*

b) *Thành tích thi đua;*

c) *Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.*

2. Nguyên tắc xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

a) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng thấp mới được khen thưởng cao hơn;

b) Kết quả khen thưởng thành tích thi đua đột xuất, chuyên đề không dùng làm căn cứ đề nghị cấp trên xét khen thưởng công trạng;

d) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang xác minh làm rõ;

e) Không xét khen thưởng tập thể, cá nhân bị kỷ luật từ khiển trách trở lên trong kỳ phát động thi đua (kỷ luật Đảng, chính quyền, đoàn thể...). Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật;

f) Khen thưởng người đứng đầu tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó phụ trách. Trường hợp có nhiều cá nhân trong một tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ để xét khen thưởng.

3. Thời gian xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

a) Quy định thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến đối với cá nhân nữ là lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung;

b) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể nữ có tỷ lệ từ 70% trở lên để xét khen thưởng;

c) Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà cá nhân, tập thể phải đảm nhiệm hoặc được giao;

d) Thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và các lĩnh vực khác..

Chương II

HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA; CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, tổ chức Hội các cấp. Nội dung thi đua được xác định toàn diện trên các nhiệm vụ công tác của các cấp Hội;

b) Đối tượng tham gia là cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị trong cụm, khối thi đua có cùng chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng;

c) Nội dung thi đua: Phong trào thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*” và các phong trào thi đua khác trong toàn Hội. Các cấp Hội, cơ quan, đơn vị phát động thi đua phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể để các tập thể ký giao ước thi đua và cá nhân đăng ký thi đua. Kết thúc năm công tác phải tổ chức tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

d) Tổ chức phát động trong phạm vi cấp tỉnh, thành Hội; Hội CCB các cơ quan Trung ương (khôi 487) hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc các cấp Hội gắn với hội nghị tổng kết phong trào thi đua. Tại lễ phát động phải tổ chức ký giao ước thi đua;

e) Thời gian xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Hội CCB các cấp, cơ quan, đơn vị xong trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

2. Thi đua chuyên đề

a) Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách;

b) Đối tượng: là cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị có cùng chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng;

c) Nội dung phát động thi đua phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian hoàn thành;

d) Tổ chức phát động trong phạm vi cấp tỉnh, thành Hội; Hội CCB các cơ quan trung ương (khối 487) hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc các cấp Hội. Tại lễ phát động có tổ chức ký giao ước thi đua;

e) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào, người đứng đầu Hội CCB các cấp, các cơ quan, đơn vị khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, Chủ tịch Hội CCB Việt Nam chỉ đạo sơ, tổng kết và khen thưởng (có hướng dẫn riêng). Thời gian bình xét thi đua được tiến hành sau khi kết thúc đợt thi đua.

Điều 7. Thẩm quyền phát động; chỉ đạo phong trào thi đua

1. Thẩm quyền phát động thi đua:

a) Chủ tịch Hội CCB Việt Nam phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong Hội CCB toàn quốc;

b) Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố; Chủ tịch Hội CCB cấp quận, huyện, thị xã và Khối 487 các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi tổ chức Hội, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền;

c) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động phong trào thi đua trong phạm vi thuộc thẩm quyền.

2. Chỉ đạo phong trào thi đua

a) Đối với phong trào thi đua dài ngày, phải tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu thi đua đã đề ra;

b) Kết thúc phong trào thi đua phải tổng kết, đánh giá kết quả, tác dụng thi đua, lựa chọn công khai các hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

c) Hằng năm, Hội CCB các tỉnh, thành phố; Hội CCB các cơ quan Trung ương (khối 487); các cơ quan, đơn vị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và báo cáo về Ban Tuyên giáo - Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương Hội.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 8. Danh hiệu thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*”

1. Danh hiệu tổ chức Hội, hội viên “*Cựu chiến binh gương mẫu*” theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 253/QĐ-CCB ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; các cấp Hội công nhận Danh hiệu đối với tập thể, cá nhân hội viên theo thẩm quyền.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Trung ương Hội”, hằng năm, tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong số tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối do Hội CCB Việt Nam và Hội CCB cấp tỉnh, thành phố; Hội CCB cơ quan Trung ương (khối 487) - nơi có tổ chức Cụm thi đua; cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương Hội đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trong cụm, khối thi đua hoặc trong các cấp Hội;

b) Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

3. Chỉ tiêu tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Trung ương Hội” là **25%** tổng số các đơn vị trong Cụm, khối thi đua, cụ thể:

a) Cụm có từ dưới 5 thành viên được xét tặng 01 Cờ thi đua;

b) Cụm có từ 6 đến 9 thành viên được xét tặng 02 Cờ thi đua;

c) Cụm Thi đua khối các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội được xét tặng 02 Cờ thi đua;

d) Hội CCB Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (nơi có tổ chức cụm thi đua) được xét tặng 01 Cờ thi đua.

4. Danh hiệu “Cờ thi đua của Trung ương Hội” chỉ tặng đối với Cụm thi đua cấp quận, huyện do Hội CCB cấp tỉnh, thành phố tổ chức; mỗi cụm được xét tặng 01 Cờ thi đua.

5. Danh hiệu “Cờ thi đua” của Trung ương Hội để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam phát động có thời gian từ 3 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Điều 9. Đối với các danh hiệu thi đua khác

Các danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Điều 10. Bằng khen của Trung ương Hội CCB Việt Nam

1. Đối với các nhân: Bằng khen để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc trong phong trào “Cụu chiến binh gương mẫu” hoặc các phong trào thi đua khác do Trung ương Hội phát động;
- b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực của các cấp Hội hoặc địa phương;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.
- d) Được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc liên tục 2 năm liền được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ được nghiệm thu và áp dụng trong phạm vi cơ sở.

2. Đối với tập thể: Bằng khen để tặng cho tập thể Cụu chiến binh gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt được một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Hội CCB các cấp;
- c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo.

3. Chỉ tiêu tặng Bằng khen hằng năm đối với tổ chức Hội CCB các tỉnh, thành phố, khối 487, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội:

a) Hội CCB cấp tỉnh, thành phố, cơ quan, đơn vị do các cụm thi đua đề nghị: Cụm có 3 đến 4 thành viên: 01 bằng khen; Cụm có 5 đến 7 thành viên: 02 bằng khen; Cụm có 8 đến 10 thành viên: 03 bằng khen.

b) Hội CCB cấp quận, huyện, thị xã do các tỉnh, thành Hội, các Cụm thi đua đề nghị; chỉ tiêu: Mỗi tỉnh, thành Hội ấn định 04 bằng khen, sau đó, cứ có 20.000 hội viên đề nghị thêm 01 bằng khen, nếu có số dư trên 10.000 hội viên được tính thêm 01 bằng khen. Số lượng hội viên căn cứ vào số liệu thống kê báo cáo của Ban Tổ chức - Chính sách Trung ương Hội.

c) Hội CCB các cơ quan Trung ương (Khối 487) được tặng 01 bằng khen/tổ chức hội; Hội CCB Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đề nghị 06 bằng khen.

d) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội được tặng 03 bằng khen.

4. Xét tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt), thi đua hưởng ứng các cuộc vận động (có hướng dẫn riêng).

5. Xét tặng cho các tập thể, cá nhân và hộ gia đình Hội viên lập thành tích xuất sắc; có hành động dũng cảm, nghĩa cử cao đẹp, đóng góp về công sức, hiến đất đai, tiền và tài sản cho địa phương và xã hội nêu gương, cho Hội CCB các cấp học tập.

6. Xét tặng cho các tập thể thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chương trình phối hợp, quy chế phối hợp giữa hội với bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

7. Xét tặng cho các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Hội nghị công tác Hội. Những trường hợp khác do Thường trực Trung ương Hội xem xét quyết định.

Điều 11. Bằng khen của Hội CCB cấp tỉnh, thành phố; Hội CCB các cơ quan Trung ương (Khối 487)

Đối tượng và tiêu chuẩn do Ban chấp hành Hội CCB cấp tỉnh, thành phố; Hội CCB các cơ quan trung ương (Khối 487 – nơi có tổ chức Hội 2 cấp trở lên và tổ chức cụm thi đua) quy định, bảo đảm phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng; Quy chế thi đua, khen thưởng của Hội CCB Việt Nam; quy định của chính quyền địa phương và Ban, bộ, ngành chủ quản.

Điều 12. Giấy khen của Hội CCB quận, huyện

Điều kiện và tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Hội CCB cấp quận, huyện quy định, bảo đảm phù hợp với pháp luật về thi đua, khen thưởng, Quy chế thi đua, khen thưởng của Hội CCB Việt Nam và chính quyền địa phương quy định.

Điều 13. Kỷ niệm chương CCB Việt Nam

1. Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của Hội CCB Việt Nam, gồm: Bằng Kỷ niệm, Hộp đựng huy hiệu, huy hiệu Kỷ niệm chương và quyết định tặng Kỷ niệm chương của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền quyết định, quy trình hồ sơ xét và tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương thực hiện theo Quy chế tặng Kỷ niệm chương của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam (Quy chế số 01/QC-CCB).

Điều 14. Các hình thức khen thưởng khác

Việc đề nghị xét tặng đối với tập thể và cá nhân thuộc Hội CCB Việt Nam Huân chương các loại, các hạng; các phần thưởng danh dự khác và Bằng khen của các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương; Bằng khen, Giấy khen của Ủy ban nhân dân các cấp, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo các văn bản quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, bộ, ban, ngành chủ quản.

Điều 15. Mẫu Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen, Kỷ niệm chương, Huy hiệu của Hội CCB Việt Nam.

1. Mẫu Cờ thi đua của Hội CCB Việt Nam (*Phụ lục 1*)

- Hình thức: Cờ có kích thước (800 mm x 600 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Mẫu Bằng khen (*Phụ lục 2*)

- Kích thước, được in trên khổ giấy kích thước là **360 mm x 237 mm**;

3. Mẫu Giấy khen, Bằng “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: (*Phụ lục 3*)

- Kích thước, được in trên khổ giấy A4, kích thước là **297 mm x 210 mm**;

4. Mẫu Kỷ niệm chương CCB (*Phụ lục số 4*)

a) *Bằng chứng nhận*

Kích thước, được in trên khổ A5, kích thước 210mm x 148mm; in trên giấy trắng định lượng 150mg/m²; mặt ngoài có màu đỏ tươi, xung quanh có viền màu vàng; mặt trong in hoa văn trống đồng chìm.

b) *Huy hiệu*

Là hình ngôi sao vàng năm cánh cách điệu, dập nổi, phủ thủy tinh trên bề mặt của ngôi sao; phía trong là **Logo** biểu tượng của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, đường kính ngoài tiếp hai đỉnh của ngôi sao có kích thước theo chiều ngang là 42mm, chiều đứng 38mm. Chất liệu bằng kim loại mạ màu vàng, hợp kim **nico**, dày **3micron**.

5. Mẫu Huy hiệu CCB Việt Nam (*Phụ lục số 5*)

Đề trao tặng hội viên Cựu chiến binh tại hội nghị công bố quyết định kết nạp

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH; TRAO TẶNG; QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Chủ tịch Hội CCB Việt Nam tặng danh hiệu “Cờ thi đua”, Bằng khen, Kỷ niệm chương CCB Việt Nam.

2. Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố tặng Bằng khen đối với tổ chức Hội và cán bộ, hội viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Hội CCB các cơ quan trung ương (Khối 487) nơi có tổ chức Hội 2 cấp trở lên và tổ chức cụm thi đua) tặng Bằng khen đối với tổ chức Hội và cán bộ, hội viên thuộc phạm vi quản lý.

4. Chủ tịch Hội CCB cấp quận, huyện tặng Giấy khen đối với tổ chức Hội và cán bộ, hội viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

5. Chủ tịch Hội CCB xã, phường, thị trấn; Chủ tịch Hội CCB cơ quan (Khối 487) các cấp tổ chức bình xét và đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức Hội, cán bộ, hội viên thuộc phạm vi quản lý.

6. Chủ tịch Hội CCB cấp nào chủ trì phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua chuyên đề có thẩm quyền quyết định các hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Chủ tịch Hội CCB cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là hội viên Hội CCB, Cựu quân nhân và Doanh nghiệp doanh nhân CCB.

Điều 17. Trao tặng

Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

Điều 18. Quy định về khen thưởng bậc cao

1. Chủ tịch Hội CCB Việt Nam, trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng bậc cao Huân chương các loại, các hạng; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình hội viên CCB Việt Nam và Hiệp hội Doanh nghiệp doanh nhân CCB đạt được thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội CCB Việt Nam phát động và khen thưởng thành tích cống hiến cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật thi đua, khen thưởng.

2. Chủ tịch Hội CCB Việt Nam hiệp y khen thưởng bậc cao Huân chương các loại, các hạng; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chính phủ đối với cá nhân và tập thể thuộc Hội CCB Việt Nam khi có đề nghị của bộ, ban, ngành đoàn thể, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Cờ thi đua, Bằng khen của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị của cấp trình khen;
- b) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng;
- c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen;
- d) Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn Hội hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích khen thưởng;
- e) Văn bản (tờ trình, biên bản) đề nghị của cụm, khối trưởng cụm thi đua (nếu thuộc cụm, khối thi đua đề nghị). Khen tổng kết năm được sử dụng con dấu và chữ ký của đơn vị cụm trưởng, khối trưởng đề trình.

f) Hồ sơ được lập thành 01 bộ bản giấy (bản chính) đồng thời gửi các tệp tin điện tử (**file Word** và **file PDS**) qua ứng dụng **zalo** hoặc thư điện tử **Gmail**.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng bậc cao: Huân chương các loại, các hạng; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Chính phủ đối với cá nhân và tập thể thuộc Hội CCB Việt Nam; các tập thể, hội viên thuộc Doanh nghiệp doanh nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua thực hiện theo quy định của pháp luật thi đua, khen thưởng, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp trình khen;

b) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen;

d) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước của cơ quan thuế có thẩm quyền; Xác nhận tiền các khoản thu phải nộp hằng năm theo quy định của pháp luật; xác nhận đảm bảo vệ sinh, môi trường trong sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;

e) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh, thành Hội hoặc trong toàn Hội CCB Việt Nam hoặc giải thưởng ở khu vực, có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích khen thưởng;

f) Hồ sơ được lập thành 01 bộ bản giấy (bản chính) đồng thời gửi các tệp tin điện tử (**file Word** và **file PDS**) qua ứng dụng **zalo** hoặc thư điện tử **Gmail**

3. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

a) Việc đề nghị tặng hình thức khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng với các trường hợp sau đây:

- Khen thưởng phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước nhằm kịp thời động viên, khích lệ quần chúng

- Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong lao động, công tác, sản xuất kinh doanh hoặc các lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân...

- Khen thưởng cống hiến, khen thưởng đối ngoại...;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản có 01 bộ (bản chính), gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng;

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích;

- Chủ tịch Hội CCB các cấp Hội, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc các cấp Hội CCB khen thưởng và đề nghị khen thưởng ngay sau khi cá nhân lập thành tích.

4. Hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương CCB Việt Nam

Thực hiện theo Quy chế Tặng Kỷ niệm chương của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam.

Điều 20. Thời gian báo cáo hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng tổng kết năm:

Các tỉnh, thành Hội, các cụm, khối thi đua gửi báo cáo đề nghị trước ngày 30 tháng 11 hằng năm. Đối với những năm Đại hội thi đua yêu nước và Đại hội nhiệm kỳ Hội CCB các cấp, Trung ương Hội có hướng dẫn khen thưởng riêng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thi đua thường xuyên, thi đua chuyên đề có hướng dẫn riêng.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gửi về Trung ương Hội ngay sau khi lập được thành tích đột xuất.

4. Hồ sơ đề nghị tặng Kỷ niệm chương thực hiện theo Quy chế tặng Kỷ niệm chương của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam gửi về Ban Tổ chức - Chính sách.

5. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc Hội CCB các cấp do Chủ tịch Hội cấp đó quy định.

Chương V

KHEN THƯỞNG PHỐI HỢP VỚI HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP DOANH NHÂN CCB VIỆT NAM VÀ CÁC ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 21: Khen thưởng Hiệp hội Doanh nghiệp Doanh nhân CCB Việt Nam

1. Hình thức khen thưởng

a) Tặng Danh hiệu Cờ thi đua

Tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ, Hiệp hội Doanh nghiệp doanh nhân CCB Việt Nam phát động hằng năm hoặc tổng kết phong trào thi đua 3 năm trở lên.

b) Tặng bằng khen

- Tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình hội viên CCB gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua; có thành tích trong công tác xã hội, tư thiện nhân đạo.

c) Chủ tịch Hiệp hội Doanh nhân doanh nghiệp CCB Việt Nam hướng dẫn chi tiết.

2. Doanh nghiệp, doanh nhân không thuộc Hội CCB Việt Nam có thành tích xuất sắc vào sự phát triển của Hội hoặc (Hiệp hội) Câu lạc bộ Doanh nhân doanh nghiệp CCB Việt Nam được Hiệp hội đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Quy trình, thủ tục hồ sơ:

a) Chủ tịch Hội (Hiệp hội), Câu lạc bộ Doanh nhân CCB các tỉnh, thành phố trình Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp Doanh nhân CCB Trung ương theo quy định sau khi có ý kiến hiệp y của Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố.

b) Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp doanh nhân CCB Việt Nam trình Chủ tịch Hội CCB Việt Nam (qua Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Trung ương Hội).

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng quy định tại Điều 19 của Quy chế.

Điều 22: Khen thưởng phối hợp với các cơ quan, đơn vị

1. Đối tượng: Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy Ban An toàn giao thông Quốc gia hoặc các tổ chức khác có thành tích trong thực hiện chương trình phối hợp.

2. Tiêu chuẩn: Gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có thành tích xuất sắc (hoặc đột xuất) trong thực hiện các phong trào phối hợp; có đóng góp vào các hoạt động từ thiện nhân đạo của Hội CCB Việt Nam.

3. Khen thưởng tổng kết chương trình có hướng dẫn riêng.

4. Quy trình, thủ tục:

a) Cấp Trung ương: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phối hợp trình Chủ tịch Hội CCB Việt Nam khen thưởng theo quy định;

b) Cấp tỉnh, thành phố: Chủ tịch Hội CCB các tỉnh, thành phố trình Chủ tịch Hội CCB Việt Nam khen thưởng theo quy định;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng quy định tại Điều 19 của Quy chế.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA- KHEN THƯỞNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP HỘI

Điều 23. Vị trí, chức năng của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng đoàn và Thường trực Hội CCB các cấp về công tác thi đua, khen thưởng và phong trào “*Cựu chiến binh gương mẫu*” và các phong trào thi đua chuyên đề; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng, đoàn, Thường trực Hội; sự hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên và Hội đồng TĐKT địa phương trong việc tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng trong phạm vi cấp Hội.

Điều 24. Nhiệm vụ của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp

a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội CCB cấp mình phát động các phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các phong trào thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) khác trong phạm vi cấp mình;

b) Định kỳ, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua “*Cựu chiến binh gương mẫu*” trong từng năm, từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Hội CCB các cấp kiểm tra phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Hội CCB các cấp quyết định danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 25. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội CCB Việt Nam không hơn 11 người, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội CCB Việt Nam;

b) Phó Chủ tịch thường trực là Phó Chủ tịch phụ trách công tác tuyên giáo, thi đua, khen thưởng;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Hội CCB Việt Nam;

d) Các Ủy viên (do Thường trực Hội quyết định);

e) Thư ký Hội đồng là cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB cấp tỉnh, thành phố; Hội đồng Thi đua khen thưởng các cơ quan trung ương (Khối 487) nơi có tổ chức Hội 2 cấp trở lên và tổ chức cụm thi đua) không hơn 07 người, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội CCB;

b) Phó Chủ tịch thường trực là người phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

c) Phó chủ tịch Hội đồng là Phó chủ tịch Hội CCB;

d) Các Ủy viên (do Thường trực Hội quyết định);

e) Thư ký Hội đồng là cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB cấp quận, huyện không hơn 05 người, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội CCB;

b) Phó Chủ tịch là Phó Chủ tịch Hội CCB;

c) Các Ủy viên (do Thường trực Hội quyết định).

4. Chủ tịch Hội CCB các cấp Hội có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp mình.

Điều 26. Cơ quan thường trực; nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Cơ quan thường trực:

a) Ban Tuyên giáo Trung ương Hội; Cơ quan Tuyên giáo ở các tỉnh, thành Hội là cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;

b) Đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách công tác tuyên giáo (thi đua) là thủ trưởng cơ quan thường trực;

2. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực:

a) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;

b) Tham mưu phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch nội dung thi đua;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

Điều 27. Nhiệm vụ của thư ký Hội đồng Thi đua – Khen thưởng

1. Giúp cơ quan thường trực Hội đồng xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng;

2. Tổng hợp, dự thảo báo cáo sơ, tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua **“Cựu chiến binh gương mẫu”** hằng năm hoặc từng giai đoạn; dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, chỉ tiêu phong trào thi đua thời gian tiếp theo;

3. Chuẩn bị nội dung, tài liệu và bảo đảm cho các cuộc họp của Hội đồng;

4. Tổng hợp các ý kiến thành viên Hội đồng; soạn thảo, hoàn chỉnh các văn bản theo kết luận của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 28. Hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, biểu quyết theo đa số, các ý kiến khác nhau của các ủy viên Hội đồng đều được báo cáo với Chủ tịch Hội đồng xem xét quyết định.

2. Phiên họp Hội đồng định kỳ 6 tháng một lần để đánh giá công tác của Hội đồng. Tổng hợp kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng, triển khai nhiệm vụ tiếp theo. Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

a) Phiên họp tổng kết công tác thi đua, khen thưởng, phong trào **“Cựu chiến binh gương mẫu”** và hoạt động của Hội đồng; đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm tiếp theo; xem xét đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các hình thức khen thưởng khác vào cuối tháng **11**, hằng năm.

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì phiên họp

3. Hội đồng hợp có ít nhất 2/3 tổng số ủy viên tham dự. Đối với phiên họp có nội dung xem xét đề nghị tặng, truy tặng Danh hiệu Anh hùng, Cờ thi đua của Chính phủ phải có ít nhất 90% tổng số ủy viên Hội đồng tham dự. Các trường hợp đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý. Các danh hiệu thi đua và Bằng khen của Trung ương Hội phải đạt được từ 80% số phiếu trở lên nhất trí so với tổng số thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng hợp xem xét, cho ý kiến bằng hình thức biểu quyết. Các thành viên Hội đồng không dự họp, cơ quan thường trực gửi lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Thời gian, nội dung, tài liệu họp Hội đồng được thông báo trước **05** ngày để các thành viên Hội đồng nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến phát biểu.

Điều 29. Mối quan hệ của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Quan hệ của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng với Đảng đoàn và Thường trực Hội CCB các cấp là quan hệ giữa lãnh đạo và phục tùng. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng chấp hành và thực hiện thắng lợi các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đoàn và Thường trực Hội CCB về các nội dung công tác thi đua, khen thưởng.

2. Quan hệ giữa Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB các cấp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương là quan hệ chỉ đạo và phối hợp. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB chịu sự hướng dẫn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương về công tác thi đua, khen thưởng. Hội CCB có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3. Quan hệ với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội CCB Việt Nam với Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Hội CCB các cấp là quan hệ chỉ đạo. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương Hội CCB Việt Nam chỉ đạo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành Hội về công tác thi đua, khen thưởng. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Chương VII

CỤM, KHỐI THI ĐUA; HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA CÁC CẤP HỘI

Điều 30. Cụm, khối thi đua và nguyên tắc hoạt động

1. Cơ sở để thành lập cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua được thành lập trên cơ sở các đơn vị có đặc điểm tương đồng về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục, tập quán và tâm lý vùng miền; thuận lợi giao thông đi lại để thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua và kiểm tra kết quả công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên.

2. Tổ chức cụm, khối thi đua

a) Chủ tịch Hội CCB Việt Nam quyết định thành lập cụm thi đua Hội CCB các tỉnh, thành phố và khối các cơ quan Trung ương (Khối 487), cụm thi đua các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương Hội;

b) Chủ tịch Hội CCB cấp tỉnh, thành phố quyết định thành lập cụm, khối thi đua CCB trong phạm vi thuộc quyền;

c) Chủ tịch Hội CCB cấp quận, huyện quyết định thành lập cụm, khối thi đua CCB trong phạm vi thuộc quyền.

3. Nguyên tắc hoạt động

a) Tập trung, dân chủ, bình đẳng, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển;

b) Mỗi cụm, khối thi đua do 01 đơn vị làm cụm, khối trưởng, 01 đơn vị làm cụm (khối) phó và các thành viên;

c) Cụm, khối trưởng và cụm, khối phó được các thành viên trong cụm, khối suy tôn. Hằng năm, đơn vị cụm, khối trưởng và cụm, khối phó phải được luân phiên theo nguyên tắc cụm, khối phó năm trước phải đảm nhiệm cụm, khối trưởng năm sau;

d) Cụm, khối trưởng và cụm, khối phó được sử dụng bộ máy, con dấu của đơn vị khi tổ chức và ban hành các văn bản phục vụ hoạt động của cụm, khối.

Điều 31. Nhiệm vụ của cụm, khối thi đua và các đơn vị thành viên

1. Nhiệm vụ của cụm, khối thi đua

a) Tổ chức thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối; triển khai và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị thành viên trong cụm, khối;

b) Thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua đi đôi với kiểm tra kết quả công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua yêu nước và hoạt động của cụm, khối; bình xét, suy tôn các đơn vị thành viên trong cụm, khối để trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị cụm, khối trưởng

a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối thi đua;

b) Chủ trì phối hợp với các đơn vị thành viên trong cụm, khối cụ thể hóa bằng chấm điểm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong cụm (khối), bảo đảm phù hợp với nội dung, tiêu chí thi đua và khung điểm đã quy định;

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Thường trực Hội CCB và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và các đơn vị cùng cấp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị cụm, khối phó

a) Phối hợp với đơn vị cụm, khối trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức điều hành hoạt động của cụm, khối; giải quyết công việc trong cụm, khối khi được cụm, khối trưởng ủy quyền;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của một thành viên trong cụm, khối;

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thành viên trong cụm, khối.

a) Thực hiện tốt các tiêu chí thi đua của cụm, khối và nội dung đã ký giao ước. Tổ chức có hiệu quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng tại cấp Hội;

b) Xây dựng, phát triển, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua yêu nước;

c) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của cụm, khối thi đua. Tự đánh giá, chấm điểm thi đua của cụm, khối. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với cụm, khối trưởng và Hội đồng Thi đua- Khen thưởng;

d) Thực hiện nhiệm vụ do cụm, khối trưởng hoặc cụm, khối phó khi được ủy quyền phân công.

Điều 32. Chế độ hoạt động của cụm, khối thi đua

1. Chế độ họp định kỳ

Cụm, khối thi đua họp định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài 2 phiên họp định kỳ có thể họp đột xuất do cụm, khối trưởng quyết định.

a) Họp sơ kết 6 tháng đầu năm;

- Thời gian: Cuối tháng 6 (chậm nhất trước ngày 10/7);

- Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua đã ký và biện pháp thực hiện thi đua 6 tháng cuối năm; giao lưu, thăm quan, trao đổi kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua, biện pháp nhân rộng điển hình tiên tiến, những mô hình, nhân tố mới có hiệu quả trên các lĩnh vực của các đơn vị trong cụm, khối; giao lưu các điển hình tiên tiến;

b) Họp tổng kết năm thi đua hằng năm;

- Thời gian: Các cụm, khối thi đua tổng kết xong trước **ngày 20 tháng 11**;

- Nội dung: Đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng của cụm, khối và thi đua của các đơn vị thành viên trong năm thi đua; bình xét, suy tôn các đơn vị có thành tích đề nghị khen thưởng; bầu đơn vị cụm, khối trưởng, cụm, khối phó năm tiếp theo; thông qua kế hoạch hoạt động, phát động và ký kết giao ước thi đua các đơn vị thành viên.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

a) Đối với đơn vị cụm, khối trưởng, gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên và các đơn vị thành viên, gồm:

- Báo cáo sơ kết thi đua 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm của cụm trước ngày hội nghị sơ kết;

- Bảng tổng hợp điểm từng tiêu chí thi đua của các đơn vị thành viên trong cụm, khối do đơn vị thành viên tự chấm và đơn vị cụm, khối trưởng thẩm định gửi trước ngày hội nghị đánh giá kết quả thi đua;

- Bảng tổng hợp kết quả chính thức chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên trong cụm, khối;

- Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm thi đua, phương hướng, nhiệm vụ năm sau (trước 05 ngày tổng kết năm thi đua).

b) Đối với các đơn vị thành viên trong cụm, khối

- Đăng ký giao ước thi đua của năm thi đua do hội nghị phát động;

- Báo cáo sơ kết phong trào thi đua và công tác khen thưởng 6 tháng đầu năm, (trước ngày 15/6);

- Báo cáo tổng kết phong trào và đề nghị khen thưởng năm thi đua, trước ngày 30/1;

- Các văn bản theo yêu cầu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên.

Điều 33: Phương pháp chấm điểm thi đua

1. Tổng số điểm thi đua là: **1.000** điểm, trong đó, điểm chấm các nội dung thi đua là **950** điểm quy định tại (*Phụ lục số 06*) và điểm thưởng hoặc điểm trừ là **50** điểm.

2. Điểm thưởng quy định, như sau:

a) Có cách làm sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong tổ chức thực hiện các nội dung tiêu chí đã ký kết giao ước thi đua: thưởng 20 điểm;

b) Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và thi đua cùng các điển hình tiên tiến: thưởng 20 điểm;

c) Các thành viên có tỷ lệ cao về khen thưởng cho người trực tiếp lao động sản xuất, các tập thể, cá nhân ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, vùng dân tộc thiểu số: thưởng 10 điểm.

3. Điểm trừ quy định, như sau:

a) Không gửi các văn bản theo yêu cầu của cụm, khối trưởng sẽ bị trừ 15 điểm trong tổng số điểm sau khi chấm;

b) Gửi báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết và kết quả tự chấm điểm thi đua chậm trừ 05 điểm;

c) Trưởng của các thành viên không tham dự Hội nghị tổng kết hoạt động của cụm, khối thi đua trừ 30 điểm (trừ trường hợp do lý do khách quan).

4. Nếu vi phạm một trong các quy định sau sẽ không bình xét thi đua:

a) Có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (thường trực Hội) bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Không tham gia ký giao ước thi đua;

c) Không gửi báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết và kết quả tự chấm điểm thi đua cho cụm, khối trưởng, cụm, khối phó.

Chương VIII

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 34. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cấp Hội CCB Việt Nam được cấp từ ngân sách Nhà nước trung ương hoặc địa phương và trích hội phí, nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước (nếu có), cụ thể:

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Trung ương Hội CCB Việt Nam (*Quy định tại Khoản 4, Điều 50 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng*) do Bộ Tài chính bảo đảm. Đồng thời, được trích từ tiền hội phí do hội viên đóng góp và các nguồn hợp pháp khác.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng Hội CCB cấp tỉnh, thành phố (*Quy định tại tiết a, khoản 3, Điều 50 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ*) do Ủy ban nhân dân cùng cấp bảo đảm. Đồng thời, được trích từ tiền hội phí do hội viên đóng góp và các nguồn hợp pháp khác.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng Hội CCB cấp quận, huyện; Hội CCB cấp xã, phường do Ủy Ban nhân dân cùng cấp bảo đảm. Đồng thời, được trích từ tiền hội phí do hội viên đóng góp và các nguồn hợp pháp khác.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội CCB Khối 487 do ban, bộ, ngành, đoàn thể quy định.

6. Khuyến khích các doanh nghiệp, doanh nhân CCB, các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở trong và ngoài nước ủng hộ Quỹ thi đua, khen thưởng của Hội CCB.

7. Kinh phí sơ kết, tổng kết các cuộc vận động, các phong trào thi đua theo chuyên đề của các ngành, các tỉnh, thành Hội do các ngành, các tỉnh, thành Hội chủ trì lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức thưởng do Chủ tịch Hội CCB cấp trình dự toán quyết định.

Điều 35. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cấp đó quản lý và được lập, cấp phát, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Chủ tịch Hội CCB Việt Nam quyết định tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng, gồm:

- Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng;

- Quyết định tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen tổng kết phong trào thi đua “Cụu chiến binh gương mẫu” hoặc các hình thức khen thưởng khác (trừ hình thức khen thưởng phối hợp);

- Nguồn kinh phí khen thưởng do Trung ương Hội quản lý và các nguồn hợp pháp khác.

c) Chủ tịch Hội CCB cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm bảo đảm tiền thưởng. Mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng do Chủ tịch Hội CCB cấp đó Quyết định.

- Nguồn kinh phí khen thưởng do cấp mình quản lý và các nguồn khác.

2. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng dùng để chi cho việc tổ chức các phong trào thi đua, công tác khen thưởng và thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua (không quá 10% tổng Quỹ), gồm: Tổ chức phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua; kiểm tra, giám sát phong trào thi đua; tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng nhân rộng điển hình tiên tiến; tổ chức Đại hội thi đua yêu nước; bảo đảm các hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

c) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (bằng khen, giấy khen, bằng kỷ niệm chương, huy hiệu Cụu chiến binh, thêu cờ thi đua, khung bằng).

Chương IX

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 36. Quyền của cá nhân, tập thể, hộ gia đình về thi đua, khen thưởng

1. Tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức phát động.
2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.
3. Góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể theo quy định của pháp luật.
4. Đề nghị không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 37. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình về thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể hộ gia đình được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 38. Kiểm tra, xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

1. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phối hợp với Ban kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý, việc thực hiện pháp luật thi đua, khen thưởng;

b) Chủ tịch Hội CCB, thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp có trách nhiệm kiểm tra công tác thi đua khen thưởng trong phạm vi cấp mình.

2. Xử lý vi phạm; hủy bỏ hồ sơ quyết định khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 74 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 39. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Khiếu nại, tố cáo.

Cá nhân, tập thể, hộ gia đình hội viên và tổ chức Hội có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, và quy định của Điều lệ Hội CCB Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của Điều lệ Hội CCB.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phối hợp với Ban kiểm tra cùng cấp tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương X

TRÁCH NHIỆM VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

1. Hội CCB cấp tỉnh, thành phố, Hội CCB các cơ quan Trung ương (khôi 487) các cơ quan, đơn vị; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Hội CCB các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát Quy chế này. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Thường trực Trung ương Hội CCB Việt Nam (qua Ban Tuyên giáo).

2. Ban Tuyên giáo - Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quy chế này thay thế Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của Hội CCB Việt Nam giai đoạn 2021-2026 kèm theo Quyết định số 1124/QĐ-CCB ngày 12/11/2021 của Chủ tịch Hội CCB Việt Nam./.

MẪU CỜ THI ĐUA

Kích Thước 800cm x 600 cm

NỘI DUNG: Cờ được thêu bằng chỉ màu vàng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, phong chữ và cỡ chữ tùy theo nội dung của cờ để căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm và có các nội dung như sau:

- Dòng thứ nhất: HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
- Dòng thứ hai: BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
- Dòng thứ ba: “TẶNG”; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm (chính giữa);
- Dòng thứ tư: Chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh;
- Dòng thứ năm: HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH (HUYỆN).....
- Dòng thứ sáu: ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA
 “CỰU CHIẾN BINH GƯƠNG MẪU” NĂM 202....

Phụ lục số 02**MẪU BẰNG KHEN**

Kích thước 297 x 210mm

NỘI DUNG:

- Họa tiết trang trí xung quanh bằng đường diềm các họa tiết hoa văn.
- Mặt in hoa văn trống đồng màu vàng nhạt chìm.
- Chính giữa trên khung là biểu tượng Huy hiệu CCB Việt Nam và Cờ Quyết thắng.
- Dòng thứ nhất ghi Quốc hiệu: “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, chữ đậm, màu đen;
- Dòng thứ 2 ghi tiêu ngữ: “**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**” được trình bày bằng chữ thường, đứng, đậm, màu đen, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, ở liền các cụm từ có gạch nối, phía dưới có hàng kẻ ngang, nét liền, độ dài bằng độ dài của dòng chữ.
- Dòng thứ 3 ghi: BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM (hoặc BAN CHẤP HÀNH HỘI CỰU CHIẾN BINH TỈNH, THÀNH PHỐ...) trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 4, ghi: “TẶNG” trình bày chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 5, ghi: Họ tên cá nhân (hoặc tập thể) được khen thưởng bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 6, ghi: Chức vụ (hoặc đơn vị) được khen thưởng bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 7 và tiếp theo, ghi câu khen bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- Dưới cùng bên phải: dòng thứ nhất ghi địa danh, ngày, tháng, năm bằng chữ thường kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen; dòng thứ hai ghi “CHỦ TỊCH” bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; khoảng trống để ký tên, đóng dấu; cuối cùng là họ và tên Chủ tịch hoặc người ký.

Dưới cùng bên trái: dòng thứ nhất ghi “Số quyết định, ngày, tháng, năm; dòng thứ 2 ghi “Số sổ vàng” theo thứ tự của người được tặng.

MẪU GIẤY KHEN

Kích thước 297 x 210mm

NỘI DUNG:

- Hoa tiết, hoa văn trang trí xung quanh bằng đường diềm các họa tiết hoa văn.
- Mặt in hoa văn trống đồng màu vàng nhạt chìm; Chính giữa khung viền phía trên là biểu tượng Huy hiệu CCB Việt Nam và Cờ Quyết thắng.
- Dòng thứ nhất ghi Quốc thiều: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, chữ đậm, màu đen;
- Dòng thứ 2 ghi tiêu ngữ: “Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ đứng, đậm, màu đen, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, ở liền các cụm từ có gạch nối, phía dưới có hàng kẻ ngang, nét liền, độ dài bằng độ dài của dòng chữ.
- Dòng thứ 3 ghi: BAN CHẤP HÀNH HỘI CỰU CHIẾN BINH HUYỆN... trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 4, ghi: “TẶNG” trình bày chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 5, ghi: Họ tên cá nhân (hoặc tập thể) được khen thưởng bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 6, ghi: Chức vụ (hoặc đơn vị) được khen thưởng bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.
- Dòng thứ 7 và tiếp theo, ghi câu khen bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

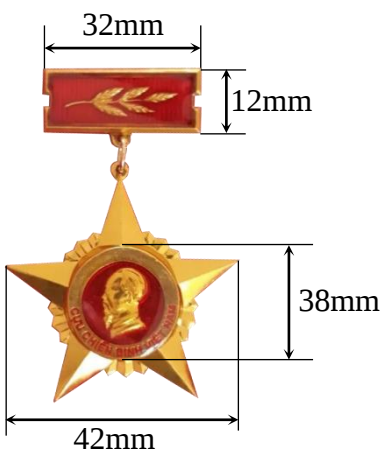
- Dưới cùng bên phải: dòng thứ nhất ghi địa danh, ngày, tháng, năm bằng chữ thường kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen; dòng thứ hai ghi “CHỦ TỊCH” bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; khoảng trống để ký tên, đóng dấu; cuối cùng là họ và tên Chủ tịch hoặc người ký.

Dưới cùng bên trái: dòng thứ nhất ghi “Số quyết định, ngày, tháng, năm; dòng thứ 2 ghi “Số sổ vàng” theo thứ tự của người được tặng.

MẪU BẢNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

	HỘI CỨU CHIẾN BINH VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
	KỶ NIỆM CHƯƠNG CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Kích thước 210mm x 148mm (mặt ngoài)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u> <i>Hà Nội, ngày tháng năm 20</i> HỘI CỨU CHIẾN BINH VIỆT NAM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG HỘI TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM Đồng chí: Chức vụ: <i>Đã có thành tích đóng góp vào quá trình phát triển của Hội Cựu chiến binh Việt Nam</i> CHỦ TỊCH Quyết định... ngày...tháng...năm 20 Số khen thưởng..... Bế Xuân Trường
---	---

Kích thước 210mm x 148mm (mặt trong)

NỘI DUNG:

+ **Nửa bên phải mặt ngoài:** Màu đỏ

Dòng thứ nhất (chính giữa) ghi **HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

Dòng thứ hai (chính giữa) **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG** được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, chữ đậm;

Tiếp theo là huy hiệu hình Kỷ niệm chương Cựu chiến binh Việt Nam

+ **Nửa bên phải mặt trong:** In hoa văn trống đồng màu vàng nhạt chìm;

- Dòng thứ nhất ghi Quốc hiệu: “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, chữ đậm, màu đen;

- Dòng thứ 2 ghi Tiêu ngữ: “**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**” được trình bày bằng chữ đứng, đậm, màu đen, chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ, phía dưới có hàng kẻ ngang, nét liền, độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

- Dòng thứ 3 ghi: **HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM** trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 4, ghi: **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG** trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 5, ghi: “**TẶNG**” trình bày chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 6, ghi **KỶ NIỆM CHƯƠNG CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM** trình bày bằng chữ in hoa, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 7, ghi tên cá nhân được tặng kỷ niệm chương bằng chữ in hoa, kiểu đứng, màu đen.

- Dòng thứ 8, ghi chức vụ, đơn vị công tác hoặc địa chỉ cá nhân được tặng kỷ niệm chương bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.

- Dòng thứ 9, ghi câu khen bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- Dưới cùng bên phải: dòng thứ nhất ghi địa danh, ngày, tháng, năm bằng chữ thường kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen; dòng thứ hai ghi “**CHỦ TỊCH**” bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; khoảng trống để ký tên, đóng dấu; cuối cùng là họ và tên chủ tịch bằng chữ thường, kiểu đứng, đậm, màu đen.

+ **Nửa bên trái mặt trong:** In hình **Kỷ niệm chương Cựu chiến binh**, kích thước dài 60mm, rộng 45 mm; dưới cùng bên trái: dòng thứ nhất ghi “**Số quyết định**, ngày tháng năm; dòng thứ 2 ghi “**Số sổ vàng**” theo thứ tự của người được tặng; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

HUY HIỆU CỰU CHIẾN BINH

- Kích thước 32mm x 28mm x 2 micron.

NỘI DUNG: Huy hiệu Cựu chiến binh chiều đứng 32mm, chiều ngang 28mm, độ dày 2 micron, được làm bằng kim loại, hình bầu dục, có viền vàng bông lúa 2 bên trên nền trắng. Nổi bật ở chính giữa nền đỏ là chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh màu vàng nhìn sang trái; dưới có dòng chữ HỘI CCBVN (viết tắt).

Phụ lục số 06**TIEU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA**

Căn cứ Điều 32, Quy chế Thi đua khen thưởng. Tổng số điểm là: **1.000 điểm**, trong đó, điểm chấm các nội dung thi đua quy định là **950 điểm** và điểm thưởng là **50 điểm**, cụ thể:

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ đạt	Điểm tự chấm	Cum, khối chấm điểm
I.	<i>Than gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa (150 điểm)</i>						
1	Quản triệt, học tập các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ thị nghị quyết của cấp ủy Đảng địa phương cho 100% cán bộ, 95% hội viên.	30					
2	Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Ban Bí thư gắn với Nghị quyết Trung ương số 04 Khóa XII, XIII của Đảng; hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.	30					
3	Vai trò trách nhiệm của cấp ủy đảng, người đứng đầu cấp ủy đảng trong việc chỉ đạo thực hiện việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; có mô hình, điển hình tiên tiến có sức lan tỏa trong cấp hội	30					
4	Duy trì và thực hiện nghiêm Chỉ thị số 35-CT/TW về bảo vệ nền tảng, tư tưởng của Đảng.	20					
5	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí, tuyên truyền miệng, thông tin CCB hằng quý, tháng cho hội viên và nhân dân.	20					
6	Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong các tổ chức hội.	20					
II	<i>Thực hiện tốt phong trào thi đua “CCB giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”; vận động vay vốn, sử dụng vốn có hiệu quả (150 điểm)</i>						
1	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững trong phạm vi cấp Hội	40					

2	Kết quả công tác giảm nghèo (tỷ lệ xóa nghèo); số nhà dột nát đã được xóa trong năm (so với chỉ tiêu)	40					
3	Kết quả vay vốn quốc gia, vốn ngân hàng CSXH. Hiệu quả sử dụng vốn; thực hiện tốt cam kết với NHCSXH về tín dụng, dự nợ, tiết kiệm, nợ xấu.	25					
4	Quỹ nội bộ đạt triệu đồng/ hội viên; đã giúp đỡ hội viên vay không lãi; xây dựng mô hình giúp nhau giảm nghèo hiệu quả	20					
5	Tổ chức các lớp tập huấn, triển khai, hướng dẫn xóa nghèo, bảo vệ môi trường, chuyển giao khoa học, giải quyết việc làm...	25					
III	<i>Thực hiện tốt các nhiệm vụ phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương và địa phương (100 điểm)</i>						
1	Triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả các Chương trình, các phong trào do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và các địa phương phát động.	20					
2	Triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả các Chương trình phối hợp với Quân đội nhân dân	15					
3	Triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả các Chương trình phối hợp với Bộ Công an	15					
4	Triển khai kịp thời, thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp với Ban ATGT các cấp, có mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác “CCB tham gia giữ gìn trật tự ATGT và xây dựng văn hóa giao thông”.	20					
5	Phối hợp tốt với Hội, Hiệp hội, Câu lạc bộ Doanh nghiệp doanh nhân CCB	15					
6	Phối hợp với Bộ, Sở Nông nghiệp PTNN	15					
IV	<i>Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện chế độ, chính sách, bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của hội viên (100 điểm)</i>						
1	Thực hiện nghiêm chế độ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.	30					
2	Tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của địa phương.	30					
3	Công tác giám sát các chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến tổ chức Hội và hội viên.	20					

4	Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, không để khiếu kiện kéo dài..	20					
V	<i>Phối hợp về tăng cường bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, giáo dục, đạo đức, lối sống cho thanh, thiếu niên, nhi đồng; công tác tập hợp Cựu quân nhân (100 điểm)</i>						
1	Thực hiện các nội dung chương trình phối hợp đã ký kết với Đoàn thanh niên	30					
2	Tham gia tuyên truyền giáo dục truyền thống quê hương, đất nước, truyền thống các mạng; gặp gỡ nhân chứng lịch sử, tham gia giữ gìn di tích, lịch sử.	30					
3	Phối hợp đồng hành cùng thanh niên lập nghiệp; tạo việc làm cho thanh niên.	20					
4	Tham gia phối hợp cùng cơ quan quân sự, đoàn thanh niên các cấp vận động quân nhân xuất ngũ tham gia câu lạc bộ Cựu quân nhân	20					
VI	<i>Hoạt động đối ngoại nhân dân (100 điểm)</i>						
1	Duy trì mối quan hệ ngoại giao nhân dân với các nước có chung đường biên giới	30					
2	Tham gia hoạt động đối ngoại với các nước trong khu vực (tiếp đoàn CCB các nước, trao đổi, tham quan học tập kinh nghiệm..) khi đến làm việc.	30					
3	Tổ chức tham quan, trao đổi, tặng quà... CCB và nhân dân các nước có chung đường biên giới	20					
4	Phối hợp tham gia các hội nghị Veconac tổ chức trên địa bàn	20					
VII	<i>Thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (100 điểm)</i>						
1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác thi đua khen thưởng và chỉ đạo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.	30					
2	Tổ chức, triển khai các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, phát động và phong trào thi đua trọng tâm	20					
3	Công tác thẩm định hồ sơ khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng quy định;	10					
4	Kiện toàn Hội đồng Thi đua – Khen	10					

	thường các cấp của các tổ chức thành viên và cụm, khối thi đua; kiện toàn hệ thống cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.						
5	<i>Phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến</i> ; tuyên truyền, phổ biến, học tập các điển hình tiên tiến tiêu biểu trong phong trào thi đua sau khi được tôn vinh	20					
6	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên, đột xuất các hoạt động thi đua, khen thưởng.	10					
VIII	<i>Xây dựng Tổ chức Hội vững mạnh toàn diện (120 điểm)</i>						
1	Công tác xây dựng tổ chức cơ sở, đội ngũ cán bộ Hội.	30					
2	Công tác xây dựng kiện toàn Ban chấp hành các cấp.	30					
3	Quản lý, phát triển hội viên	30					
4	Thực hiện công tác chính sách với Hội viên.	15					
5	Thu nộp hội phí; thực hiện nền nếp công tác Tổ chức – chính sách.	15					
IX	<i>Thực hiện nền nếp các chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất</i>						
6	Thực hiện các chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất đúng thời gian quy định.	30					

Tổng cộng 950 điểm